

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2025

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Hùng Em.
- Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, là Thư ký của HToà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Thị M, sinh năm 1986. có mặt

Địa chỉ: Tổ D, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Trương Văn M1, sinh năm 1990. vắng mặt

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh M1 có tìm hiểu quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 25/9/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M1 thường xuyên cờ bạc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không hoà giải được và đã ly thân từ năm 2022 đến nay, từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không có hàn gắn

tình cảm lại. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh M1.

Về nuôi con: Trong quá trình chung sống, chị M và anh M1 có 01 con chung là Trương Huỳnh Nhật D, sinh ngày 01/6/2018, hiện nay cháu D đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu nuôi cháu D, không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Trương Văn M1 vắng mặt không có văn bản trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đương sự khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét và không yêu cầu gì mới hay cung cấp chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn hiện cư trú tại ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Tại phiên tòa, chỉ có mặt nguyên đơn chị M, riêng bị đơn anh M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M1 là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh M1 và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định điểm a, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh M1 là hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 58 ngày 25 tháng 9 năm 2018. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng thường cự cãi không hòa giải được. Vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay, từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không có hàn gắn tình cảm. Đối với anh M1, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho anh M1 theo quy định của pháp luật và Thông báo số: 01/TB-TA, ngày 14/02/2025 về việc yêu cầu đương

sự trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng anh M1 không đến Tòa án làm việc, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ văn bản ý kiến nào của anh M1. Qua đó cho thấy anh M1 không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí để hàn gắn lại tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn của chị M và anh M1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh M1 là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về nuôi con: Trong quá trình chung sống, chị M và anh M1 có 01 con chung là Trương Huỳnh Nhựt D, sinh ngày 01/6/2018, hiện nay cháu D đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu nuôi cháu D. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến ngày hôm nay, cháu D đang sống với chị M do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, vẫn đảm bảo cho cháu D có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, đảm bảo điều kiện học hành. Mặt khác, chị M đang làm công ty gỗ tại thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 10/02/2025 của cháu Trương Huỳnh Nhựt D có nguyện vọng sống với chị M nên tiếp tục giao cháu D cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu, anh M1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về chia tài sản chung và nợ: Trong quá trình giải quyết chị M trình bày không có. Đối với anh M1 thì cũng không có ý kiến hay cung cấp gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị M đối với anh Trương Văn M1, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng

Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 25 tháng 9 năm 2018. Cho chị Huỳnh Thị M được ly hôn với anh Trương Văn M1.

2. Về nuôi con:

2.1 Giao con chung tên Trương Huỳnh Nhật D, sinh ngày 01/6/2018 (con hiện đang sống chung với chị Huỳnh Thị M) cho chị Huỳnh Thị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Huỳnh Thị M không yêu cầu, anh Trương Văn M1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có. Về nợ: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Chị Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000454 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

4.2. Anh Trương Văn M1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho đương sự có mặt được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND H. Tam Nông;
- Chi cục THADS H. Tam Nông;
- UBND xã An Hoà, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường